TTĐT(2)

CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 05/2017/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 16 tháng 01 năm 2017*

CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ
ĐẾN Giờ: ....5.....
Ngày: 24/01/2017

NGHỊ ĐỊNH
Quy định về xử lý tài sản chìm đắm trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển và vùng biển Việt Nam

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Bộ luật hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Bộ luật dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật biển Việt Nam ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về xử lý tài sản chìm đắm trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển và vùng biển Việt Nam.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về xử lý tài sản chìm đắm trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển và vùng biển Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân liên quan đến xử lý tài sản chìm đắm trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển và vùng biển Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Tài sản chìm đắm bao gồm: Tàu thuyền, hàng hóa hoặc các vật thể khác chìm đắm hoặc trôi nổi trên các tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển, vùng biển Việt Nam hoặc bị trôi dạt vào bờ biển Việt Nam.

2. Tài sản chìm đắm gây nguy hiểm là tài sản chìm đắm làm cản trở hoặc gây nguy hiểm cho hoạt động hàng hải, hoạt động giao thông đường thủy nội địa; đe dọa tính mạng và sức khỏe con người; ảnh hưởng đến tài nguyên, gây ô nhiễm môi trường.

3. Xử lý tài sản chìm đắm bao gồm các hoạt động: Tiếp nhận thông tin, xác định vị trí tài sản chìm đắm, thông báo, xác định chủ sở hữu tài sản, trục vớt, chuyển giao, tiếp nhận, bảo quản, bán, tiêu hủy tài sản chìm đắm.

4. Trục vớt tài sản chìm đắm bao gồm các hoạt động: Thăm dò, xây dựng và thực hiện phương án làm nổi, di dời, phá dỡ, phá hủy tài sản chìm đắm.

5. Cảng vụ là cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại khu vực có tài sản chìm đắm, gồm: Cảng vụ hàng hải, Cảng vụ đường thủy nội địa, đơn vị quản lý đường thủy nội địa theo quy định của pháp luật đường thủy nội địa.

6. Tuyến đường thủy nội địa bao gồm luồng và hành lang bảo vệ luồng đường thủy nội địa, được xác định cụ thể điểm đầu và điểm cuối và vùng nước cảng, bến thủy nội địa theo quy định.

Điều 4. Phân loại và xác định tài sản chìm đắm gây nguy hiểm

Tài sản chìm đắm gây nguy hiểm được phân thành hai cấp độ:

1. Tài sản chìm đắm gây nguy hiểm cấp độ 1 là những tài sản thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Gây mất an toàn hoặc làm ảnh hưởng đến hoạt động hàng hải, hoạt động đường thủy nội địa tại khu vực nhưng chưa gây ách tắc luồng và chưa phải áp dụng biện pháp cấm luồng hàng hải hoặc luồng đường thủy nội địa;

b) Có nguy cơ gây bệnh dịch cho con người và môi trường sống hoặc đe dọa đến tính mạng con người;

c) Có chứa đựng đến 100 tấn dầu mỏ, các sản phẩm dầu mỏ hoặc đến 50 tấn hóa chất nguy hiểm, độc hại.

2. Tài sản chìm đắm gây nguy hiểm cấp độ 2 là những tài sản thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Gây ách tắc luồng hàng hải hoặc luồng đường thủy nội địa hoặc phải cấm luồng hàng hải hoặc luồng đường thủy nội địa;

b) Xảy ra tràn dầu hoặc hóa chất nguy hiểm, độc hại;

c) Gây bệnh dịch cho con người và môi trường sống hoặc đe dọa trực tiếp đến tính mạng con người;

d) Có chứa đựng trên 100 tấn dầu mỏ, các sản phẩm dầu mỏ hoặc trên 50 tấn hóa chất nguy hiểm, độc hại.

3. Căn cứ các tiêu chí quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, Cảng vụ có trách nhiệm xác định loại tài sản chìm đắm nguy hiểm và báo cáo ngay bằng văn bản cho cấp trên trực tiếp là Cục Hàng hải Việt Nam, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải; trường hợp tài sản có liên quan đến an ninh, quốc phòng, di sản văn hóa, Cảng vụ phải thông báo bằng văn bản đến Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Điều 5. Nghĩa vụ tổ chức trục vớt tài sản chìm đắm

1. Chủ sở hữu tài sản chìm đắm có nghĩa vụ tổ chức trục vớt tài sản chìm đắm và chịu mọi chi phí liên quan đến việc trục vớt tài sản chìm đắm.

Trường hợp tài sản chìm đắm là tàu thuyền, hàng hóa hoặc các vật thể khác được chuyên chở trên tàu thuyền, chủ tàu thuyền có nghĩa vụ trục vớt tài sản chìm đắm và chịu các chi phí liên quan; người quản lý, người khai thác tàu thuyền chịu trách nhiệm liên đới trong việc trục vớt tài sản chìm đắm và thanh toán các chi phí có liên quan đến việc trục vớt tài sản.

2. Đối với tài sản chìm đắm là di sản văn hóa, tài sản chìm đắm liên quan đến an ninh, quốc phòng hoặc tài sản chìm đắm nguy hiểm, chủ sở hữu tài sản chìm đắm có nghĩa vụ lập phương án trục vớt trình cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 12 của Nghị định này phê duyệt.

Trường hợp chủ sở hữu tài sản chìm đắm không thực hiện tổ chức trục vớt hoặc trục vớt tài sản chìm đắm không đúng thời hạn yêu cầu, cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 12 của Nghị định này quyết định việc trục vớt tài sản chìm đắm, trừ trường hợp do sự kiện bất khả kháng. Cảng vụ chủ trì, tổ chức trục vớt đối với tài sản chìm đắm gây nguy hiểm.

3. Chủ sở hữu tài sản chìm đắm ngoài việc thực hiện các quy định tại các khoản 1 và 2 Điều này, còn phải thực hiện các quy định có liên quan của pháp luật về sử dụng biển và pháp luật về tài nguyên, môi trường biển, đảo; đồng thời áp dụng mọi biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu sự cố gây ô nhiễm môi trường. Trường hợp tài sản chìm đắm gây ô nhiễm môi trường, chủ sở hữu tài sản chìm đắm phải áp dụng ngay mọi biện pháp để ngăn ngừa, hạn chế tổn thất, xử lý ô nhiễm môi trường và bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Mất quyền sở hữu đối với tài sản chìm đắm

1. Đối với tài sản chìm đắm trong vùng nước cảng biển và vùng biển Việt Nam, chủ sở hữu tài sản chìm đắm bị mất quyền sở hữu đối với tài sản chìm đắm trong các trường hợp quy định tại Điều 281 của Bộ luật hàng hải Việt Nam. Các Bộ trưởng hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại Điều 284 của Bộ luật hàng hải Việt Nam có trách nhiệm công bố mất quyền sở hữu đối với tài sản chìm đắm thuộc thẩm quyền xử lý của mình.

2. Đối với tài sản chìm đắm trên tuyến đường thủy nội địa, việc chấm dứt quyền sở hữu và thẩm quyền công bố chấm dứt quyền sở hữu đối với tài sản chìm đắm được thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự.

Chương II
XỬ LÝ TÀI SẢN CHÌM ĐẮM

Điều 7. Thông tin về tài sản chìm đắm

1. Trách nhiệm cung cấp thông tin về tài sản chìm đắm

Chủ sở hữu tài sản chìm đắm hoặc tổ chức, cá nhân khi phát hiện tài sản chìm đắm có trách nhiệm thông báo ngay cho cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này biết về địa điểm và loại tài sản chìm đắm; trường hợp tài sản chìm đắm là hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu còn phải thông báo cho cơ quan Hải quan nơi gần nhất để phối hợp giải quyết theo quy định của pháp luật về hải quan. Việc cung cấp thông tin có thể thực hiện bằng một hoặc nhiều phương thức sau: Trực tiếp, điện thoại, fax, email hoặc bằng các hình thức phù hợp khác.

2. Cơ quan tiếp nhận thông tin về tài sản chìm đắm, gồm:

a) Cảng vụ hàng hải tại khu vực đối với tài sản chìm đắm trong vùng nước cảng biển và vùng biển Việt Nam;

b) Cảng vụ đường thủy nội địa hoặc đơn vị quản lý đường thủy nội địa tại khu vực trực thuộc Cục Đường thủy nội địa Việt Nam hoặc cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đường thủy nội địa đối với tài sản chìm đắm trên tuyến đường thủy nội địa quốc gia;

c) Cảng vụ đường thủy nội địa hoặc đơn vị quản lý đường thủy nội địa trực thuộc Sở Giao thông vận tải đối với tài sản chìm đắm trên tuyến đường thủy nội địa địa phương;

d) Cơ quan quân sự tại địa phương đối với tài sản chìm đắm thuộc lĩnh vực quốc phòng;

đ) Cơ quan công an tại địa phương đối với tài sản chìm đắm thuộc lĩnh vực an ninh.

3. Khi nhận được thông tin về tài sản chìm đắm, cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này có trách nhiệm:

a) Xác nhận về việc tiếp nhận thông tin; kiểm tra và xác minh thông tin đã nhận;

b) Phối hợp hoặc tổ chức bảo quản tài sản bị chìm đắm; trường hợp tài sản bị chìm đắm ở ngoài vùng nước cảng biển hoặc tuyến đường thủy nội địa thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có tài sản chìm đắm chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan để tổ chức thực hiện việc bảo quản tài sản;

c) Tổ chức thiết lập báo hiệu cảnh báo, thông báo hàng hải, đường thủy nội địa và điều tiết giao thông nếu cần thiết để đảm bảo an toàn cho hoạt động của tàu thuyền.

Điều 8. Thông báo cho chủ sở hữu tài sản chìm đắm

1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, việc thông báo cho chủ sở hữu tài sản chìm đắm được thực hiện như sau:

a) Trường hợp tài sản chìm đắm có giấy tờ, tài liệu hoặc ký, mã hiệu có thể xác định được tên và địa chỉ chủ sở hữu tài sản chìm đắm thì trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 7 của Nghị định này thông báo cho chủ sở hữu tài sản chìm đắm theo địa chỉ đã được tìm thấy;